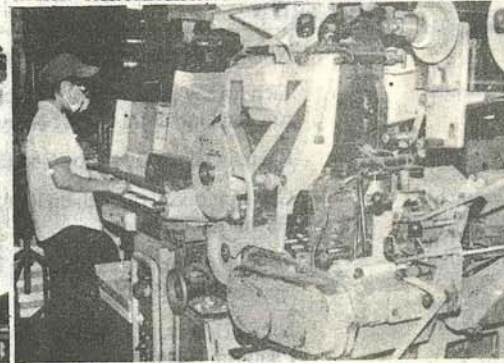




NHỮNG YẾU TỐ TỔNG QUÁT TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

HUỖNH VĂN THIÊN

Ý nghĩa về sự phát triển kinh tế nhanh chóng đang ngày càng trở thành điều hiển hiện trong thế giới hiện đại. Cách đây một thế kỷ rưỡi, những nước tiên tiến của Châu Âu và Bắc Mỹ đã tạo ra, dựa trên cơ sở tính theo đầu người, mức sản lượng khá dĩ nhiên đến gấp hai-ba lần so với các vùng kém thuận lợi của Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ la-tinh. Giờ đây, khoảng cách biệt ấy là mười, mười lăm, thậm chí đến gấp hai mươi lần. Tại một vùng của thế giới, một xã hội đô thị đông đảo, kỹ nghệ, và định hướng vào kỹ thuật đã đang hiện ra. Ở bên kia, những phương cách cổ xưa tự thuở nào của người nông dân thì thường vẫn đang còn đó. Sự phát triển nhanh chóng hiện đại đã tạo ra nhiều vấn đề cho các "xã hội phồn vinh" phương Tây, thế nhưng nó cũng sinh ra một khoảng cách biệt lớn lao và ngày càng nhiều về mức sống giữa những nước giàu nghèo.

Cái kết cấu nghịch thường này của sự phát triển, dĩ nhiên, đã là sản phẩm của một số hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, và những thứ khác nữa, đặc thù của những xứ khác nhau có liên quan. Thế nhưng, nằm ẩn bên dưới những hoàn cảnh riêng biệt này là những lực lượng nào đó, mà các nhà

kinh tế học đã thấy rằng đang làm thành trung tâm của tiến trình phát triển nói chung. Những lực tiềm ẩn ấy phải tương hợp với quy mô, tính chất, và sự tổ chức của guồng máy sản xuất cơ bản của một nước. Chúng ta hãy bắt đầu bằng cách trình bày xem các nhà kinh tế học cố gắng xác định đặc điểm vận hành của cơ chế này ra sao.

TỔ CHỨC VIỆC SẢN XUẤT

Trong tất cả các xứ, việc sản xuất đều có những đặc điểm chung nào đó. Trước hết, nó đòi hỏi sự có mặt của những tác nhân sản xuất cơ bản, hay những yếu tố sản xuất (factors of production), như người ta vẫn thường gọi. Đó phải là sức lao động, tài nguyên thiên nhiên, những công cụ trang bị, và tư bản phẩm khác.

Nó cũng đòi hỏi những yếu tố sản xuất này cần được tổ chức thành một số loại đơn vị sản xuất, và có một mức độ tối thiểu nào đó về hiệu năng và bí quyết kỹ thuật thuộc phía những nỗ lực sản xuất của xã hội. Không có những nhập lượng yếu tố và một số phương cách kết hợp những nhập lượng ấy, để tạo ra các xuất lượng

hàng hóa và dịch vụ cần thiết cho xã hội con người hẳn từ lâu đã vẫn còn ở lại ở mức độ hoang dã.

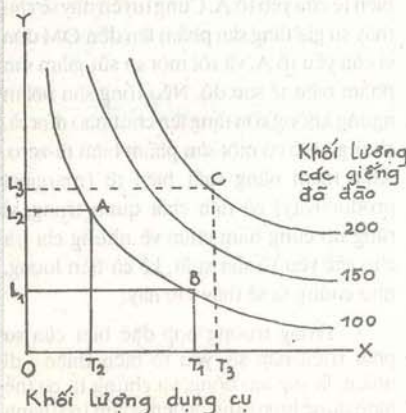
Các nhà kinh tế học thường mô phương cách theo đó các yếu tố sản xuất được kết hợp lại để tạo ra hàng hóa bằng một phương tiện được gọi là hàm số sản xuất (a production function). Hàm số này thể diễn mối quan hệ giữa các nhập lượng yếu tố và xuất lượng hàng hóa theo một cách giản đơn, và có tính chất thống nhất. Nó dựa trên sự ghi nhận rằng tất cả các hàng hóa đều được sản xuất không phải bằng một yếu tố sản xuất - giả sử, sức lao động không thôi - mà bằng vào sự phối hợp nhiều yếu tố sản xuất - chẳng hạn, sức lao động, tài nguyên thiên nhiên, tư bản phẩm. Vấn đề là có thể thay thế số lượng của một yếu tố bằng số lượng của những yếu tố khác trong hầu hết các tiến trình sản xuất. Thế nên, chúng ta có thể xây dựng một tuyến đường xe lùa bằng cách dùng một số lượng lớn sức lao động và máy móc khá hạn chế, hoặc bằng ít sức lao động và nhiều máy móc thêm lên.

Hàm số sản xuất cho chúng ta biết

ở một tình trạng kỹ thuật nhất định nào đó, những kết hợp khác nhau các nhập lượng yếu tố sẽ sản sinh ra những cấp độ xuất lượng khác nhau ra sao.

Chúng ta sẽ minh họa một hàm số sản xuất như thế trong Hình 1-1. Giả sử tại một xã hội giản đơn người ta đang đào các giếng để lấy nước uống, và đang sử dụng trong tiến trình này những khí cụ đào thô sơ và, dĩ nhiên, sức người. Hình 1-1 cho chúng ta biết một số điều về kỹ thuật học của xã hội này. Trong vị trí thứ nhất, nó cho chúng ta biết có nhiều phương cách khác nhau qua đó có thể tạo thành bất kỳ số lượng giếng định sẵn nào đó - giả sử 100 cái. Thế thì, nếu xã hội chúng ta ngẫu nhiên có một nguồn cung lao động dồi dào và tương đối có ít dụng cụ để đào, việc sản xuất có thể là nằm ở điểm A. Đồ thị cho thấy bằng sự kết hợp số giờ lao động OL và số khí cụ OT2, chúng ta đào được 100 cái giếng. Thế nhưng Hình 1-1 còn cho chúng ta thấy xã hội này có thể sản xuất 100 cái giếng ở điểm B, bằng cách sử dụng ít lao động hơn (OL1) và nhiều khí cụ hơn (OT1). Nếu có một tai biến bất thần làm giảm đi nhân lực vốn sẵn có của xã hội này, thì có thể sử dụng một phương thức tương tự như ở điểm B. Trái lại, nhiều nước kém phát triển hiện nay lại đang trong tình trạng lạm dụng dân số, và đa số thường sẽ muốn sử dụng một phương pháp như ở điểm A.

Nói một cách tổng quát hơn, đường cong đi ngang qua các điểm A và B thể hiện tất cả những kết hợp khác nhau có thể được sử dụng để làm ra 100 cái giếng. Tương tự như vậy, hai đường cong kia cho chúng ta thấy những kết hợp về sức lao động và dụng cụ nhỏ đó có thể làm ra 150 hoặc 200 cái giếng. Điểm C cho chúng ta thấy một sự kết hợp của sức lao động (OL3) và khí cụ (OT3) sẽ cho phép chúng ta làm ra 200 cái



HÌNH 1.1 hàm số sản xuất

giếng. Như chúng ta có thể hình dung ra, nó thường sẽ cần đến thêm một hoặc hai yếu tố sản xuất để làm tăng xuất lượng của chúng ta lên. Tức là, khi sản xuất tăng lên, mỗi trong số những đường cong này - thường được gọi là các đường đẳng lượng (isoquant), nghĩa là "đường có cùng số lượng như nhau" - sẽ lệch xa gốc theo hướng đồng-bắc.

Độc giả có thể hình dung thực tế những đường đẳng lượng này như thế các đường cao độ (contour line) trên một mặt phẳng chiếu địa lý. Chúng ta có thể tưởng tượng có một trục khác (trục Z) có gốc tại điểm O và thẳng góc với mặt phẳng trang giấy tờ báo này. Trên trục này, chúng ta đo lường xuất lượng, trong trường hợp ở đây, là số lượng giếng nước đào được. Các đường đẳng lượng (hay là các đường cao độ) đơn giản cho phép chúng ta biểu diễn một hình ba chiều thành hai chiều. Độc giả hẳn có thể thử hình dung ra bề mặt sản xuất nhô lên từ gốc (như bề mặt của một ngọn núi), và được biểu thị đặc điểm bằng những đường cao độ thể hiện khi nó tăng ngược lên theo hướng đồng-bắc.

Những đường đẳng lượng được vẽ theo một phương cách như thế đều lồi về phía gốc. Đây không phải là một ngẫu nhiên, mà được tin là hình dáng tiêu biểu của chúng trong hầu hết các tiến trình sản xuất. Ý nghĩa của hình dáng này có thể thấy được bằng cách so sánh các điểm A và B. Vì rằng đường đẳng lượng lồi về phía gốc, nó có một độ dốc ở A nhiều hơn ở B. Nếu chúng ta hình dung ra những thay đổi nhỏ - điều mà các nhà kinh tế học gọi là các biến đổi biên tế (marginal change) - trong việc sử dụng các yếu tố tại mỗi trong số những điểm này, chúng ta có thể hiểu được sự khác biệt về ý nghĩa của độ dốc. Tại điểm A, nếu chúng ta lấy đi một số lượng dụng cụ nào đó và vẫn muốn giữ mức sản xuất là 100 cái giếng, chúng ta cần phải tăng thêm một số lượng lao động nào đó cho tiến trình sản xuất của chúng ta. Nếu chúng ta cũng lấy đi cùng số lượng công cụ lao động tại điểm B, chúng ta có thể giữ nguyên xuất lượng là 100 bằng cách thêm số lượng lao động ít hơn. Việc thay thế công cụ lao động bằng sức lao động tại điểm B thì dễ dàng hơn là ở điểm A.

Tại sao? Chủ yếu là do sức lao động tương đối có nhiều ở điểm A và công cụ tương đối có nhiều ở điểm B. Điều mà hình dáng lồi của đường đẳng lượng cho chúng ta biết là khi chúng ta tiến theo một đường

đẳng lượng, việc thay thế cho yếu tố ngày càng dồi dào sẽ trở nên dễ dàng hơn và việc thay thế cho yếu tố ngày càng khan hiếm sẽ càng trở nên khó khăn hơn.

Chúng ta sẽ đề cập đến một số đặc tính khác của hàm số sản xuất khi nói đến về sau, còn bây giờ chúng ta hãy đặc biệt chuyển sang chủ đề phát triển kinh tế. Hình 1-1 cho chúng ta thấy phương cách trong đó một nền kinh tế có thể phát triển. Với nhiều sức lao động và khí cụ hơn, chúng ta có thể sản xuất tại điểm C (200 cái giếng) nhiều hơn là tại các điểm A và B (100 cái giếng). Một trong những phương cách chính yếu trong đó sự phát triển kinh tế có thể diễn ra là thông qua một sự gia tăng nhập lượng yếu tố. Dưới tiêu đề tổng quát này, hẳn chúng ta cần xem xét đến ba yếu tố chính yếu sau đây trong tiến trình phát triển kinh tế:

1. Sự phát triển dân số;
2. Tài nguyên thiên nhiên;
3. Sự tích lũy tư bản.

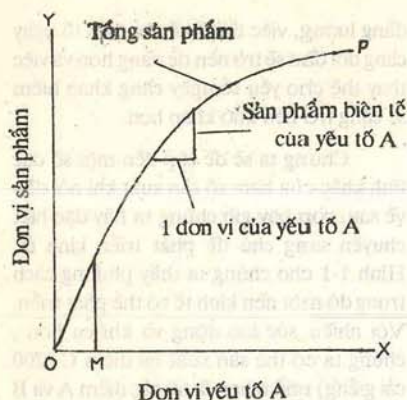
Thế nhưng cũng có thể có những thay đổi quan trọng trải qua thời gian, theo cách thức trong đó một xã hội sử dụng các nhập lượng yếu tố của mình, làm tăng số lượng xuất lượng mà những nhập lượng này tạo ra. Những gia tăng về xuất lượng này có thể phản ánh việc tổ chức sản xuất tốt hơn hoặc những chuyển dịch (shift) trong hàm số sản xuất. Hình 1-1 được vẽ ra theo sự giả định về tri thức kỹ thuật nhất định nào đó. Thế nhưng tri thức kỹ thuật thì có thể tăng lên (thật ra, trong một nền kinh tế đang phát triển, nó đang tăng lên đều đặn), và điều này sẽ làm chuyển dịch các đường đẳng lượng đến nỗi chúng ta nhận được nhiều xuất lượng hơn cho mỗi sự kết hợp những yếu tố. Dưới tiêu đề gia tăng xuất lượng trên mỗi đơn vị nhập lượng, chúng ta sẽ kể vào danh sách:

4. Những gia tăng về quy mô hoặc sự chuyên môn hóa sản xuất;
5. Các biến đổi trong hiệu năng;
6. Sự tiến bộ kỹ thuật.

Từ đây, chúng ta sẽ liên hệ đến những yếu tố này tuần tự dưới đây và chúng ta sẽ dành phần còn lại để có một vài bình luận ngắn gọn về từng yếu tố.

SỰ PHÁT TRIỂN DÂN SỐ

Việc khởi đầu bằng chủ đề phát triển dân số là điều có tính chất tự nhiên, không



Hình 1.2 Tổng sản phẩm với một yếu tố biến thiên

phải chỉ bởi vì con người được xem như thể những cú cánh và phương tiện trong tất cả các hoạt động kinh tế, mà còn bởi vì những biến chuyển gây ấn tượng sâu sắc đang diễn ra trong dân số thế giới ở thời buổi hiện tại. Theo ước tính, thế giới đã phải mất từ đầu kỷ nguyên Công nguyên cho đến giữa thế kỷ mười bảy để làm cho số lượng của mình tăng lên gấp đôi; với nhịp hiện tại, chúng ta sẽ đạt được cùng kỳ tích ấy trong vòng chưa đầy 40 năm. Vào năm 1970, dân số thế giới đã xấp xỉ 3,5 tỷ người, và tốc độ gia tăng tính là 2 phần trăm một năm. Nếu nhịp độ này vẫn tiếp diễn, trong vòng 600 năm, mỗi người sẽ chỉ có được gần bằng 1 mét vuông mặt đất. Câu "chỉ đủ chỗ để đứng" đã bắt đầu mang lấy một hàm ý mới mẻ và khá ảm đạm.

Mối tương quan của sự phát triển dân số đối với phát triển kinh tế là điều có tính chất quan trọng và phức tạp. Một dân số đang tăng lên, dĩ nhiên, có nghĩa là một nguồn cung về yếu tố cơ bản của sản xuất tăng lên - sức lao động. Trải qua tiến trình lịch sử lâu dài, cho đến mãi tận thời hiện đại, sự phát triển dân số đã là nguồn gốc chính yếu của những phát triển nói chung về xuất lượng mà thế giới đã hưởng được. Vì sức lao động, được hỗ trợ bằng một mức tối thiểu công cụ và sự làm việc thực chất theo những cung cách truyền thống, quả thực đã là tài sản sản xuất to lớn nhất của nhân loại. Tuy nhiên, khi chúng ta suy nghĩ về hiện tượng phát triển hiện đại, cùng với sự tăng tiến đặc thù của nó về xuất lượng tính theo mỗi đầu người, vấn đề trở nên khá nhập nhằng. Một dân số đang tăng hầu như luôn luôn dẫn đến một tổng xuất lượng gia tăng, thế nhưng nó cũng làm cho số lượng người cần được chia xẻ từ khối xuất lượng ấy thêm nhiều hơn. Nó làm tăng không chỉ từ số mà còn cả mẫu số nữa. Có

4 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

nhiều đôi tay sản xuất hơn, nhưng cũng phải cưu mang nhiều miệng ăn hơn.

Ảnh hưởng thuần của việc phát triển dân số lên mức xuất lượng tính theo đầu người của một xã hội có thể mang tính chất tích cực trung tính, hoặc thậm chí tiêu cực hay không, sẽ tùy thuộc vào kết cấu đặc thù của sự gia tăng dân số, và vào khung cảnh mà trong đó sự gia tăng ấy diễn ra. Nếu, chẳng hạn, sự tăng triển dân số hội cùng với mức sinh nhiều và một số lượng trẻ con đang tăng lên tương đương với số trưởng thành, thì số lượng người tiêu thụ sẽ gia tăng lên một cách nhanh chóng hơn số người sản xuất, khối trọng phụ thuộc (dependency burden) đè lên những người tích cực của xã hội sẽ thêm nặng nề hơn, và hậu quả có thể mang tính chất tiêu cực. Thế nhưng, nếu có một sự tăng lên về tuổi thọ làm kéo dài số năm sản xuất của người công nhân của xã hội, vấn nạn về một gánh nặng tăng lên của số người sống phụ thuộc ít ra cũng có thể được bù trừ phần nào.

Trong việc sản xuất bất kỳ hàng hóa nào, khi chúng ta tăng thêm nhiều đơn vị của một yếu tố sản xuất so với số lượng nhất định của một (hoặc nhiều) yếu tố khác, thì phần tăng thêm vào tổng sản phẩm qua mỗi đơn vị tăng sau của yếu tố biến thiên ấy sẽ bắt đầu dần dần giảm.

Hình 1-2 trình bày tổng sản phẩm gia tăng như thế nào khi chúng ta tăng thêm nhiều đơn vị của yếu tố sản xuất A, trong khi những yếu tố khác (B, C, v.v.) vẫn giữ nguyên (1). Vào lúc khởi đầu (tính đến OM đơn vị của yếu tố A), "lượng thu" đang tăng lên - tức là, mỗi đơn vị tiếp sau của yếu tố làm tăng thêm tổng sản phẩm nhiều hơn đơn vị trước đó. Sau OM, tuy nhiên, luật về lượng thu tiệm giảm bắt đầu có tác dụng. Điều thực sự đang tiệm giảm là phần tăng thêm trên tổng sản phẩm qua mỗi đơn vị kế tiếp của yếu tố A, hay điều mà các nhà kinh tế học gọi là sản phẩm biên tế (marginal product) của yếu tố A.

Bảng 1-1 Sự gia tăng có tính chất gia tốc của dân số thế giới

	Kỷ gian Bách phân Gia tăng của Dân số Thế giới trải qua các Kỷ gian 50 năm
1650-1700	16,8
1700-1750	
1750-1800	24,4
1800-1850	29,2
1850-1900	37,3
1900-1950	53,9
1950-2000	100,0 + ?

Với tốc độ gia tăng hiện tại, ước tính rằng dân số thế giới sẽ tăng lên gấp đôi (tăng gần 100 phần trăm) trong chưa đầy 40 năm. Thế thì, sự gia tốc của 300 năm cuối vẫn còn đang tiếp diễn đến ngày nay.

Nguồn: L. Dudley Stamp, Thế giới Đang Phát triển của chúng ta (Our Developing World) - London: Faber and Faber, 1960, tr. 19

Ngoài chuyện kết cấu của sự tăng triển dân số, môi trường mà trong đó sự phát triển này diễn ra cũng là những vấn đề có tính chất quan trọng. Một dân số đang tăng, trong một khu vực địa lý hạn chế, có thể đặt thành sức ép nặng nề lên các tài nguyên thiên nhiên hiện có của một cộng đồng. Cũng vậy, nếu xã hội chỉ có một số vốn công cụ và tư bản khá ít ỏi, sức lao động hẳn là phải được dùng để thay cho những phương pháp sản xuất có hiệu quả hơn khi dùng đến công cụ. Các nhà kinh tế học thường đề cập đến những hậu quả như thế trong khuôn khổ luật về lượng thu tiệm giảm (the law of diminishing returns). Trong hình thái tổng quát, luật này có thể được phát biểu như sau:

Thật vậy, qua Hình 1-2, chúng ta có thể có được một cung tuyến về sản phẩm biên tế của yếu tố A. Cung tuyến này sẽ cho thấy sự gia tăng sản phẩm lên đến OM đơn vị của yếu tố A, và rồi một sự sụt giảm sản phẩm biên tế sau đó. Nếu tổng sản phẩm ngưng không còn tăng lên chút nào nữa cả, chúng ta sẽ có một sản phẩm biên tế-zero. Khái niệm năng suất biên tế (marginal productivity) có tính chất quan trọng, vì rằng nó cũng hàm chứa về những chi trả cho các yếu tố sản xuất, kể cả tiền lương, như chúng ta sẽ thấy sau này.

Trong trường hợp đặc biệt của sự phát triển dân số, yếu tố biến thiên, dĩ nhiên, là sức lao động, và chúng ta có thể hình dung lượng thu bị tiệm giảm trở thành một vấn đề nghiêm trọng nếu (a) sự phát

riển dân số là rất nhanh, và (b) có sự gia tăng rất ít về tài nguyên thiên nhiên ("đất đai") hoặc tài nguyên do con người tạo ra (tư bản phẩm). Bạn nên nhớ, lượng thu giảm không nhất thiết là hệ quả duy nhất của sự phát triển dân số. Vì rằng, một lần số đang tăng lên tiêu biểu cho một thị trường đang mở rộng tiềm tàng đối với hàng hóa mà xã hội đang sản xuất. Một thị trường đang mở rộng có thể kích tác xã hội đầu tư nhiều hơn vào tư bản phẩm, điều sẽ thúc đẩy hoạt động kinh doanh, cùng làm tăng thêm các cơ hội sử dụng nhân lực và công ăn việc làm. Hơn thế nữa nó có thể cung cấp một chỗ thoát cho những sản phẩm của các kỹ nghệ sản xuất hàng loạt, có qui mô hiệu năng lớn. Dưới những hoàn cảnh nào đó, những hệ quả này có thể là mạnh mẽ hơn, đủ để bù trừ áp lực về tài nguyên hay về nguồn vốn tư bản phẩm.

Chúng ta sẽ còn triển khai nhiều điều chuyên biệt như vậy nữa khi đề cập đến về sau, điều tổng quát mà chúng ta đưa ra ở đây là sự tăng triển dân số có thể thuận lợi hay bất thuận lợi cho phát triển kinh tế tùy thuộc vào chuyện nó diễn ra ở đâu, khi nào, và như thế nào. Trong các thế kỷ mười tám và mười chín, khi thế giới còn có những vùng bao la để mà ở, sự tăng triển dân số thường có thể là một yếu tố tích cực quan trọng kích tác việc phát triển. Tại nước Mỹ, hạm chí cho đến tận thập niên 1930, các nhà kinh tế học đã lo rằng tốc độ tăng triển dân số rõ ràng là chậm dần ở vào thời buổi đó có thể là một yếu tố gây đình trệ về lâu dài. Trái lại, ở Ấn Độ ngày nay, hiện đang có một sự nhất trí hầu như phổ biến là mức gia tăng dân số chậm dần sẽ góp phần đích thực cho những viễn ảnh phát triển của đất nước. Điều mà có thể vẫn còn là phương huốc thần hiệu cho những miền thưa người của Châu Phi thì lại có thể là tai hại cho Nhật Bản, Trung Hoa, và Châu Á nói chung. Trong mỗi trường hợp, người ta phải cân nhắc các hệ quả về một nguồn cung lao động tăng lên và các thị trường đang mở rộng so với những hệ quả hoàn toàn khác hẳn của sức ép về tài nguyên và tư bản, và, dĩ nhiên, sự mở rộng của bất kỳ ống xuất lượng nhất định nào đó so với một khối lượng dân chúng đông đảo hơn.

Việc bình luận này, dĩ nhiên, là phải dựa vào hậu quả của sự tăng triển dân số lên sự phát triển kinh tế. Thế nhưng, thực ra, chúng ta đang trên một con đường hai chiều. Sự phát triển kinh tế cũng có thể có những hệ quả quan trọng lên phát triển dân số. Liệu có bất kỳ lời thuyết minh tổng

quát nào mà chúng ta có thể đưa ra về sự nổi kết này không?

Vấn đề thứ hai này, có lẽ, thậm chí còn phức tạp hơn vấn đề thứ nhất, những điều mà nó nêu ra tuyệt nhiên chưa được giải quyết trọn vẹn giữa các nhà kinh tế học và dân số học. Tuy nhiên, có hai điều quan trọng rất đáng quan tâm ngay từ đầu - một là sự nhấn mạnh chuyện phát triển dân số phụ thuộc vào phát triển kinh tế, hai là sự độc lập của nó.

Điểm thứ nhất ứng hợp với những nước tiền tiến về mặt kinh tế trên thế giới, và sự tăng triển dân số có tính chất gia tốc của họ trong kỷ nguyên hiện đại. Trong suốt một hoặc hai thế kỷ vừa qua, đa số sự gia tăng dân số tại những nước đang phát triển này đều phải được qui là do một sự tuột giảm đều đặn về tử suất, điều vốn đã có quan hệ gần gũi với sự tiến bộ kinh tế mà những xứ này tạo ra. Sự phát triển kinh tế đã mang lại mức sống cao hơn, thực phẩm bổ dưỡng hơn, quần áo và nhà ở đầy đủ hơn, sự bảo vệ tránh khỏi những tai ương thiên nhiên về hạn hán và đói kém. Phụ thêm với sự phát triển kinh tế trong suốt thời kỳ này là những tiến bộ to lớn về vệ sinh, y tế, và y học. Sự kết hợp giữa những hoàn cảnh kinh tế thăng tiến và một phương pháp khoa học ngày càng cao đã có nghĩa là dân chúng kháng kiện hơn, tuổi thọ kéo dài hơn, và một sự tuột giảm mạnh mẽ về tử vong của trẻ con.

Nhìn chung, dĩ nhiên, chúng ta có thể nói rằng sự gia tăng dân số hiện đại tại những nước đang phát triển ở Châu Âu và Bắc Mỹ đã diễn ra cùng với và là bộ phận khăng khít của một tiến trình phổ quát hơn về sự tăng cao mức sống, kỹ nghệ hóa, và tiến bộ kỹ thuật (2)

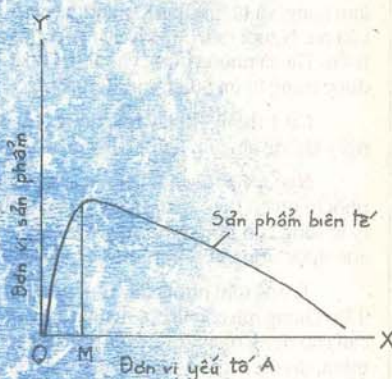
Điểm thứ hai thì tương hợp với tình hình "bùng nổ dân số" tại các nước kém phát triển của thời hiện tại. Những nước này hiện cho thấy đã tăng triển kinh tế rất chậm, thế nhưng dân số của họ lại gia tăng lên nhanh chóng. Điều khả hữu này là như thế nào?

Câu trả lời, thực chất, là những nước này đã có thể "nhập khẩu" các phụ-phẩm của sự phát triển (by-product of development) từ những nước có nền kinh tế tiền tiến, mà không phải là chính tiến trình phát triển. Một cách đặc biệt hơn, sự lan truyền các kỹ thuật về vệ sinh, y tế, và y học của phương Tây, tại những nước kém phát triển, đã sinh ra sự giảm sút tử suất một

cách đột ngột, và sự gia tăng dân số nhanh chóng, *thậm chí thiếu hẳn sự tăng cao mức sống cùng những điều kèm theo khác của tiến bộ kinh tế*. Như đôi khi người ta vẫn thường nói, những nước này hiện đang có "một cuộc cách mạng y tế" trước và độc lập với "một cuộc cách mạng kỹ nghệ".

Một số thí dụ: Tại Ceylon, từ 1920 đến 1960, tử suất đã giảm một cách mạnh mẽ từ 30 phần 1000 một năm xuống còn 10 phần 1000. Chiến dịch chống sốt rét của Ceylon, bao gồm việc sử dụng một cách tương đối giản đơn thuốc DDT, đã hạ tử suất ở những miền mắc bệnh sốt rét xuống còn gần 11 phần 1000 trong một thời gian chỉ có 5 hoặc 6 năm. Tại Đài Loan, từ 1906 - 1910 đến 1941-1943, tử suất đã giảm từ 33,4 phần 1000 còn 18,5 phần 1000. Trong 20 năm, từ 1940 đến 1960, tử suất của Mexico đã tuột từ 23,2 phần 1000 xuống còn 11,2 phần 1000, của Costa Rica từ 17,3 xuống còn 8,6, của Malaixia từ 20,1 xuống còn 9,5, của Singapore từ 20,9 xuống còn 6,3. Tất cả những sự tuột giảm này đều thuộc về một tầng bậc quan trọng rất cao, nhưng chúng lại chẳng hề có tương quan chút nào với mức độ tiến bộ kinh tế mà những nước này đã tạo ra.

Điểm này có một tầm quan trọng rất lớn. Mặc dù sự phát triển gia tốc của dân số hiện đại có gốc rễ chủ yếu từ sự phát triển kinh tế và kỹ thuật nói chung của phương Tây, chúng ta không còn có thể suy nghĩ về tiến bộ kinh tế như thể một điều kiện cần thiết cho sự phát triển dân số. Do bởi các thành tựu của khoa học hiện đại, những con số có tính chất tăng bội nhanh chóng là qui tắc thậm chí ngay cả tại những nước mà sự nghèo đói nơi khối dân chúng



HÌNH 1-3 Năng suất biên tế tiệm

TRẠI RẮN ĐỒNG TÂM

Nguyễn Mạnh Tường

Có lẽ mọi người ở xa đến, cũng như ở Tiền Giang đều lầm lẫn cho là nơi đây chỉ nuôi rắn nên gọi quen là “Trại rắn Đồng Tâm”. Thật ra, ở đây không chỉ nuôi rắn, mà còn nuôi và trồng nhiều loại cây, con khác để sản xuất thuốc, nên có tên đúng là “Trung Tâm nuôi trồng dược liệu”.

Nếu tính ý một chút, ai đó sẽ nhận ra Trại rắn Đồng Tâm có nét hao hao giống như khu vực đóng quân. Thật vậy, trại rắn là căn cứ cũ của Sư đoàn Mỹ với diện tích rộng khoảng 40 ha. Tháng 10/1977 Trung tâm được thành lập. Ban đầu chỉ có 4 con rắn độc để nghiên cứu tập tính, sinh thái, nhằm bảo vệ nguồn lợi. Hiện nay, ngoài rắn, Trung tâm còn nuôi thêm một số đối tượng khác như rắn, khỉ, cá sấu, ong, nai... và trồng các loại cây làm thuốc. Từ những dược liệu này, sản xuất ra một số loại dược phẩm rất có giá trị được người tiêu dùng ưa chuộng như: rượu rắn, mật ong, mỡ trăn... đặc biệt nọc rắn là mặt hàng xuất khẩu rất có giá trị trong y học. Giá 1g nọc mua sơ chế hiện nay là 90USD. Chỉ cần lấy từ 10-15 con là được 1g. Nọc được lấy từ 4 loài: Rắn hổ chúa, Cạp nong (Mái gầm), Hổ đất (mang bành), Lục đầu vò. Cùng với sản xuất dược phẩm, Trung tâm còn có nhiệm vụ rất quan trọng không chỉ đối với Tiền Giang mà còn cả các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Đó là đào tạo và chữa trị rắn cắn. Bởi lẽ, đồng bằng sông Cửu Long cũng là một trong những khu vực phân bố chính của rắn, nhất là những loài rắn độc, nên số tử vong do rắn cắn hàng năm rất lớn.

Để có thể chỉ dẫn và điều trị rắn cắn dễ dàng như hiện nay, nhiều người trong Trung tâm đã bỏ nhiều công sức để nghiên cứu. Có người đã chết vì rắn cắn! Nhưng công sức đó được đền bù xứng đáng: 3.768 ca rắn cắn đã qua khỏi. Một số đã chết do ở quá xa đem đến trễ.

Khi chúng tôi làm việc với Ban Giám đốc, thì lúc đó có một số cán bộ y tế của huyện Cái Bè (Tiền Giang) đang thực tập sơ cứu rắn cắn. Vì thời điểm này, mực nước ở thượng nguồn sông Mekong tiếp tục dâng cao, Tiền Giang đang triển khai kế hoạch chống lũ. Và trong kế hoạch đó có phương án phòng và chữa trị rắn cắn.

Những người đến trại rắn chủ yếu là khách du lịch, phái đoàn tham quan trong và ngoài nước, được ghi lại qua những dòng suy nghĩ đủ các thứ tiếng trong cuốn “Cầm tướng”. Đến đây, khách có thể tận mắt trông thấy những chú rắn độc, qua cảnh bắt rắn rất ngoạn mục của người hướng dẫn. Cũng trong thời gian ở đây, có đoàn làm phim “Tình cô gái rắn” khởi quay.

Ngoài những bể ciment lớn hay những lồng sắt nhỏ nhốt rắn, xếp sát nhau dùng để nghiên cứu và lấy nọc, còn có một khu vực nuôi rắn đại trà đặc biệt mà khách không được đến. Khu vực đó rộng 4.000m², được xây tường cao. Trong đó rắn được thả tự nhiên khoảng 1.000 con, chủ yếu là hổ mang và cạp nong, không có hổ chúa vì nếu có, nó sẽ ăn thịt những con khác.

Nơi đây điều kiện nuôi rất giống điều kiện sinh thái của rắn - nghĩa là rắn có thể làm hang, và bắt mồi. Mỗi ngày không cung cấp trực tiếp, mà nằm trong chuỗi thức ăn của nó. Người ta trồng khoai mì, chuối, đậu, cỏ... để cho chuột, cóc, cá, sấu bọ... phát triển. Tất cả những động vật nhỏ này sẽ làm mồi cho rắn. Và định kỳ, người chăm sóc, được trang bị ủng dày, cao quá đầu gối, vào để trồng thêm cỏ, đậu, mì...

Cứ 1 tháng thì lấy nọc đồng loạt 1 lần. Tất cả rắn được đem về nhốt riêng, vài ngày không cho ăn, trước khi lấy nọc. Vì khi rắn bắt mồi thì rắn sẽ tiết ra nọc.

Ngoài việc lấy nọc, khu vực nuôi đại trà còn là nơi cho rắn sinh sản. Chúng giao phối tự nhiên theo loài, rồi đẻ trứng trong hang. Sau đó được thu về ấp nhân tạo, cho tỷ lệ sống cao hơn ấp tự nhiên, vì rắn con sau khi nở thường bị rắn mẹ ăn thịt. Rắn con được ương đến kích thước nhất định, cuối cùng chúng được trả trở lại.

Trung tâm nuôi trồng dược liệu không chỉ là một điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Tiền Giang mà còn là nơi nghiên cứu, để sản xuất dược liệu, xuất khẩu, để điều trị rắn cắn cho đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay, Trung tâm tự hạch toán ngân sách của mình, do đó rất cần sự giúp đỡ của các ban ngành, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhất là nhiệm vụ “sản xuất sức khỏe” như lời viết trong cuốn “Cầm tướng” của một du khách người Anh.

25/9/91

hiện tại vẫn còn là một sự kiện nổi bật củ đời sống kinh tế.

Đường biểu diễn năng suất biên t này được vẽ từ (thực sự là độ dốc của) cung tuyến tổng sản phẩm của Hình 1-2. Chúng tôi đã sử dụng một tỷ lệ trục tung khác để làm cho đường biểu diễn sản phẩm biên t thêm dễ nhìn hơn.

Kỳ sau: Tài nguyên thiên nhiên và s tích lũy tư bản trong phát triển kinh tế.

— (*) Biên dịch từ chương “General Factors in Economic Development” trong quyển **Economic Development: Past and Present** của Richard T. Gill, ấn bản lần thứ 3 của Prentice-Hall, 1984.

(1) Để liên kết cung tuyến tổng sản phẩm của Hình 1-2 với hàm số sản xuất của Hình 1-1, độ giả phải hình dung là nửa “bề mặt sản xuất” nhô lên từ gốc theo hướng đông-bắc so với gốc của Hình 1-1. Để biểu thị luật về lượng thu tiện giảm có quan hệ với bề mặt này, chúng ta phải tưởng tượng ra một yếu tố sản xuất là cố định (giả sử, chúng ta đang có một số lượng - OT3 - dụng cụ nhất định nào đó) và yếu tố khác thì biến thiên (trong trường hợp này là sức lao động). Để thấy những gì đang diễn ra khi chúng ta tăng số lượng giờ lao động với số lượng dụng cụ cố định, chúng ta phải hình dung bề mặt sản xuất đang di lên từ T3 trên trục theo một mặt phẳng thẳng đứng c ngang qua C. Khi làm như thế, chúng ta sẽ vẽ ra được một cung tuyến trên mặt phẳng thẳng đứng này, và cung tuyến ấy sẽ giống với hình dạng của cung tuyến tổng sản phẩm của Hình 1-2.

(2) Điều này không để nói rằng tất cả các hệ quả của sự phát triển kinh tế tại những nước này đều thuộc hướng lan sinh ra sự phát triển dân số nhanh chóng. Để phân tích vấn đề này, chúng ta cần phải tính đến hệ quả của sự phát triển không chỉ lên từ suất, mà còn cả lên sinh suất. Thực tế là, có khá nhiều bằng chứng để nói lên rằng sự phát triển kinh tế - cùng với những điều phụ thêm tiêu biểu của việc kỹ nghệ hóa và đô thị hóa - sẽ thường mang đến một sự giảm dân vì sinh suất. Đây là trường hợp ở Mỹ và nhiều quốc gia kỹ nghệ khác trong suốt thế kỷ 19 và hầu hết thế kỷ 20.